

Số: 230 /CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com Website: [www.vosa.com.vn](http://www.vosa.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 2/năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/7/2023 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Đại diện công bố thông tin**

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 2/2023;

- Văn bản giải trình.



**Trần Công Toàn**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

\*\*\*\*\*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ II NĂM 2023**

*TP. Hồ Chí Minh, Tháng 07/2023*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Quý II/2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>646,819,483,850</b>	<b>502,318,377,677</b>
<b>I-Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>III.1</b>	<b>240,499,002,826</b>	<b>243,545,992,765</b>
1. Tiền	111		107,759,002,826	156,045,992,765
2. Các khoản tương đương tiền	112		132,740,000,000	87,500,000,000
<b>II-Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>23,220,000,000</b>	<b>23,220,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>III.2</b>	23,220,000,000	23,220,000,000
<b>III-Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>366,996,034,379</b>	<b>201,608,143,281</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>III.3</b>	336,262,691,089	171,970,732,064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>III.4</b>	9,378,657,523	9,841,972,625
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>III.5</b>	21,576,693,856	20,017,446,681
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>III.6</b>	(222,008,089)	(222,008,089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV-Hàng tồn kho :</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>15,158,278,731</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	15,158,278,731
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V-Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,104,446,645</b>	<b>18,785,962,900</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>III.11</b>	2,041,594,954	2,829,596,034
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>III.14</b>	13,934,174,872	15,838,554,053
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	<b>III.14</b>	128,676,819	117,812,813
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>165,223,278,173</b>	<b>180,374,796,766</b>
<b>I-Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9,152,449,350</b>	<b>21,101,656,339</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	<b>III.3</b>	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>III.4</b>	9,152,449,350	21,101,656,339
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II-Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66,020,885,505</b>	<b>64,801,809,386</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	<b>III.8</b>	47,590,385,913	47,633,939,374
- Nguyên giá	222		161,435,767,257	158,323,830,893
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(113,845,381,344)	(110,689,891,519)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-





TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>III.9</b>	18,430,499,592	17,167,870,012
- Nguyên giá	228		22,804,121,024	21,286,121,024
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,373,621,432)	(4,118,251,012)
<b>III-Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>III.10</b>	<b>19,681,813,761</b>	<b>21,634,341,417</b>
- Nguyên giá	231		74,746,984,356	74,746,984,356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(55,065,170,595)	(53,112,642,939)
<b>IV-Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>204,141,667</b>	<b>181,414,394</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	III.7	204,141,667	181,414,394
<b>V-Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>III.2</b>	<b>12,275,268,318</b>	<b>12,275,268,318</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7,248,600,000	7,248,600,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,832,643,025	9,832,643,025
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(4,805,974,707)	(4,805,974,707)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57,888,719,572</b>	<b>60,380,306,912</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	III.11	57,888,719,572	60,380,306,912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>812,042,762,023</b>	<b>682,693,174,443</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C-NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>414,366,698,991</b>	<b>313,542,838,854</b>
<b>I-Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>413,479,372,907</b>	<b>312,655,512,770</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	III.13	220,474,711,515	115,905,393,835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16,633,386,203	6,397,886,314
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	III.14	13,224,109,262	15,207,820,012
4. Phải trả người lao động	314		6,231,135,227	23,617,158,505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	III.15	4,866,060,660	2,318,455,357
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	III.17	7,945,281,816	737,954,546
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	III.16	134,225,423,346	139,634,100,799
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	III.12	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,879,264,878	8,836,743,402
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II-Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>887,326,084</b>	<b>887,326,084</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	III.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	III.15	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	III.16	887,326,084	887,326,084
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	III.12	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

137828-C  
 GTY  
 HANG HAI  
 NAM  
 HO CH MINH



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D-VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>397,676,063,032</b>	<b>369,150,335,589</b>
<b>I-Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>397,676,063,032</b>	<b>369,150,335,589</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	<b>III.18</b>	140,964,860,000	140,964,860,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140,964,860,000	140,964,860,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		73,585,010	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	<b>III.18</b>	157,223,257,335	147,431,175,238
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	<b>III.18</b>	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	<b>III.18</b>	99,414,360,687	80,754,300,351
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		80,754,300,350	38,180,030,364
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18,660,060,337	42,574,269,987
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>812,042,762,023</b>	<b>682,693,174,443</b>

Người lập biểu

P.Trưởng Phòng Phụ trách TCKT



Nguyễn Thị Phương Lan



Nguyễn Thị Thanh Thủy

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2023

P.Tổng Giám đốc Phụ trách



Vũ Phước Long





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	260,150,939,223	401,522,305,420	530,351,069,152	798,901,255,398
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	260,150,939,223	401,522,305,420	530,351,069,152	798,901,255,398
4. Giá vốn hàng bán	234,538,811,760	374,740,916,338	483,175,415,102	743,295,760,858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	25,612,127,463	26,781,389,082	47,175,654,050	55,605,494,540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4,339,948,371	4,528,763,503	7,767,849,244	9,061,627,721
7. Chi phí tài chính	688,738,398	1,163,895,291	863,637,234	875,353,757
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,572,430,774	17,038,590,935	30,547,779,172	30,691,098,958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	12,690,906,663	13,107,666,359	23,532,086,888	33,100,669,546
11. Thu nhập khác	157,383,477	289,829,575	159,146,223	294,398,427
12. Chi phí khác	339,754,589	34,485,346	429,349,967	41,286,723
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(182,371,112)	255,344,229	(270,203,744)	253,111,704
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	12,508,535,551	13,363,010,588	23,261,883,144	33,353,781,250
15. Chi thuế TNDN hiện hành	2,600,498,476	6,232,316,363	4,601,822,807	6,232,316,363
16. Chi thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	9,908,037,075	7,130,694,225	18,660,060,337	27,121,464,887
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	703	506	1,324	1,924
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)				

Người lập biểu

Phó Trưởng Phòng phụ trách TCKT



TP.HCM, ngày 22 tháng .. Năm 2023  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Vũ Phước Long



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý II/2023

Đơn vị tính: VND

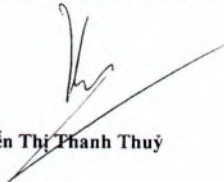
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23,261,883,144	33,353,781,250
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5,363,387,901	5,258,522,212
- Các khoản dự phòng	03		-	2,503,048,150
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(369,140,783)	(68,050,869)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,415,055,126)	(4,959,826,129)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23,841,075,136	36,087,474,614
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51,675,694,123)	26,016,663,795
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15,158,278,731	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21,265,028,686	79,174,606,121
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		3,279,588,420	37,748,560,997
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Lãi tiền vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,084,821,533)	(5,757,817,127)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10,834,603,573)	(4,313,550,916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,051,148,256)	168,955,937,484
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,629,936,364)	(47,272,727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		145,454,545	109,090,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6,780,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,415,055,126	5,671,829,400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69,426,693)	12,513,647,582
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3,120,574,949)	181,469,585,066
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		243,545,992,765	287,336,178,633
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		73,585,010	244,613,534
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		240,499,002,826	469,050,377,233

Người lập biểu

Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng TCKT



Nguyễn Thị Phương Lan



Nguyễn Thị Thanh Thủy



TP.HCM, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Vũ Phước Long



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/07/2021.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ hàng hải, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.

### II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## 7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Số năm</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
- Máy móc và thiết bị	05
- Phương tiện vận tải	05 – 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Quyền sử dụng đất	34 - 50
- Phần mềm máy tính	03 - 05

## 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05-20 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### **12. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **15. Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **17. Chi phí phải trả**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HÀI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **18. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### **19. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Người Quản lý: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **20. Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **21. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **22. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
  - Chi phí đi vay vốn;
  - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **24. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **25. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **26. Thông tin bộ phận**

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	144,576,716	224,969,154
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107,614,426,110	155,821,023,611
Các khoản tương đương tiền	<u>132,740,000,000</u>	<u>87,500,000,000</u>
<b>Cộng</b>	<b>240,499,002,826</b>	<b>243,545,992,765</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn	23,220,000,000		23,220,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>23,220,000,000</b>		<b>23,220,000,000</b>	

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
		<u>Sở hữu</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Sở hữu</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Công ty liên kết</b>			<b>7.248.600.000</b>	<b>(4,794,197,392)</b>		<b>7.248.600.000</b>	<b>(4,794,197,392)</b>
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam <sup>(1)</sup>	20%		7.248.600.000	(4,794,197,392)	20%	7.248.600.000	(4,794,197,392)
<b>Đơn vị khác</b>			<b>9.832.643.025</b>	<b>(11,777,315)</b>		<b>9.832.643.025</b>	<b>(11,777,315)</b>
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam <sup>(2)</sup>	1,523,629 CP		7.638.539.361		1,523,629 CP	7.638.539.361	
- Công ty CP VIMC Logistics Việt Nam <sup>(3)</sup>	50.000 CP		500.000.000	(11,777,315)	50.000 CP	500.000.000	(11,777,315)
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải VN <sup>(4)</sup>	51%		1.072.836.000		51%	1.072.836.000	
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam <sup>(5)</sup>	1%		63.746.040		1%	63.746.040	
- Công ty liên doanh Bông Sen <sup>(6)</sup>	0,27%		557.521.624		0,27%	557.521.624	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17.081.243.025</b>	<b>(4,805,974,707)</b>		<b>17.081.243.025</b>	<b>(4,805,974,707)</b>

<sup>(1)</sup>Năm 2017, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line) thành lập Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam. Vốn điều lệ của liên doanh là 1.600.000 USD với tỷ lệ góp vốn của VOSA là 20%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, vận tải đường biển...



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, ngày 27/04/2022, đã ban hành Nghị quyết chấp thuận thoái toàn bộ vốn khoản đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam Công ty đang nắm giữ.

(3) VOSA là cổ đông thành lập Công ty CP VIMC Logistics (tên cũ là Công ty cổ phần Vinalines Logistics) năm 2007 và đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG.

(4) Năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ, v.v... Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm 40.000 USD và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(5) Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam là liên doanh được thành lập từ năm 2014, trong đó VOSA góp 1% vốn điều lệ (4.000 USD) và nhận lãi cố định hàng năm 5.000 USD.

(6) Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705USD với tỷ lệ vốn góp 0.27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư.

### 3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	30,173,689,057	18,764,470,365
Cty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	11,031,752,926	15,846,673,494
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	5,944,282,257	5,907,859,247
Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam	-	8,770,012,424
Công ty TNHH KD sports VN	1,608,612,884	2,580,652,690
Công ty TNHH Namsung shipping VN	2,663,829,472	3,185,535,475
Công ty TNHH Hóa chất TAIKO - Đại Hùng	832,745,005	1,627,089,278
Công ty Cổ phần ULD	-	11,467,989,457
Công ty TNHH Hàng hóa Sinh Minh	-	14,348,084,628
Phải thu khách hàng khác	284,007,779,488	89,472,365,006
<b>Cộng</b>	<b>336,262,691,089</b>	<b>171,970,732,064</b>

### 4. Phải thu khác

#### a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	644,803,452	956,026,039
Cổ tức và lợi nhuận được chia	284,194,914	1,162,099,439
BHXH, BHYT, BHTN	32,117,400	10,073,000
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	8,064,672,506	10,352,245,825
Tạm ứng	4,407,874,296	2,223,941,487
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	544,681,554	1,629,265,727
Khoản phải thu khác	7,598,349,734	3,683,795,164
<b>Cộng</b>	<b>21,576,693,856</b>	<b>20,017,446,681</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	9,152,449,350	21.101.656.339
Cộng	<u>9,152,449,350</u>	<u>21.101.656.339</u>

**5. Nợ xấu**

Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Giá trị có thể thu hồi	Nợ phải thu khó đòi	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần VIMC Nha Trang	125,410,683	-	125,410,683	-
- Shipping Corporation of India	96,597,406	-	96,597,406	-
<b>Cộng</b>	<b>222,008,089</b>	<b>-</b>	<b>222,008,089</b>	<b>-</b>

Công ty tiếp tục thực hiện việc đối chiếu xác nhận nợ đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng vẫn còn hiện hữu và áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ.

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự án nâng cấp công kho bãi VP Vosa Quy Nhơn	181,414,394				181,414,394
Dự án Nhà kho chứa hàng Tổng hợp 1B Vosa Quảng Ninh		22,727,273		-	22,727,273
<b>Cộng</b>	<b>181,414,394</b>	<b>22,727,273</b>		<b>-</b>	<b>204,141,667</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Ngày 1/1/2023</b>	97,692,012,106	54,396,593,222	6,235,225,565	158,323,830,893
- Mua trong năm		3,111,936,364		3,111,936,364
-ĐT XD CB hoàn thành				
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>Ngày 30/06/2023</b>	97,692,012,106	57,508,529,586	6,235,225,565	161,435,767,257
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
<b>Ngày 1/1/2023</b>	64,463,925,411	40,810,115,586	5,415,850,522	110,689,891,519
- Khấu hao trong năm	1,113,936,924	1,915,182,293	126,370,608	3,155,489,825
-ĐT XD CB hoàn thành				
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS				



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>Ngày 30/06/2023</b>	65,577,862,335	42,725,297,879	5,542,221,130	113,845,381,344
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Ngày 1/1/2023</b>	33,228,086,695	13,586,477,636	819,375,043	47,633,939,374
<b>Ngày 30/06/2023</b>	32,114,149,771	14,783,231,707	693,004,435	47,590,385,913

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định Vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
<b>Ngày 1/1/2023</b>	18,659,091,724	2,627,029,300	21,286,121,024
- Mua trong năm		1,518,000,000	1,518,000,000
<b>Ngày 30/06/2023</b>	18,659,091,724	4,145,029,300	22,804,121,024
Giá trị hao mòn lũy kế			
<b>Ngày 1/1/2023</b>	1,943,167,559	2,175,083,453	4,118,251,012
- Khấu hao trong năm	94,925,424	160,444,996	255,370,420
<b>Ngày 30/06/2023</b>	2,038,092,983	2,335,528,449	4,373,621,432
Giá trị còn lại			
<b>Ngày 1/1/2023</b>	16,715,924,165	451,945,847	17,167,870,012
<b>Ngày 30/06/2023</b>	16,620,998,741	1,809,500,851	18,430,499,592

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
<b>Ngày 1/1/2023</b>	74,746,984,356	74,746,984,356
<b>Ngày 30/06/2023</b>	74,746,984,356	74,746,984,356
Hao mòn lũy kế		
<b>Ngày 1/1/2023</b>	53,112,642,939	53,112,642,939
- Khấu hao trong năm	1,952,527,656	1,952,527,656
<b>Ngày 30/06/2023</b>	55,065,170,595	55,065,170,595
Giá trị còn lại		
<b>Ngày 1/1/2023</b>	21,634,341,417	21,634,341,417
<b>Ngày 30/06/2023</b>	19,681,813,761	19,681,713,761

**10. Chi phí trả trước****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí làm hàng	1,556,969,252	1,492,480,119
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	434,591,577	17,389,772
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>50,033,765</u>	<u>1,319,726,143</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2,041,594,594</u></b>	<b><u>2,829,596,034</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	513,146,772	425,318,723
Tiền thuê đất trả trước(*)	56,086,238,960	55,657,788,769
Chi phí sửa chữa tài sản	783,811,831	4,181,245,695
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>505,522,009</u>	<u>115,953,725</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>57,888,719,572</u></b>	<b><u>60,380,306,912</u></b>

(\*) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60,896,981,000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 30/06/2023 là 53,893,828,204 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2023 là 54,502,798,012 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong 6 tháng đầu năm 2023 là 608,969,808 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**11. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH TM Và Dịch Vụ Logistics Hải Long	7,031,109,861	6,035,558,028
Công Ty TNHH Thăng Lá	9,255,170,827	7,850,642,273
Công ty Cổ phần TM Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	-	8,195,120,141
Iata Vietnam Co.,Ltd	252,332,999	14,615,774,494
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	9,679,255,415	11,514,055,369
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ	5,987,104,603	3,965,835,600
Công ty Cổ phần T&C	1,024,002,011	4,249,805,716
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	2.382.633,013	2,883,871,542
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	1,891,949,832	2,630,533,606
Công Ty TNHH TM Và Vận Tải Thủy Hoàng Anh	4,651,865,119	2,580,156,376
Công Ty CP DV Cầu Cảng Đa Phúc	3,559,262,777	2,593,110,118
Phải trả khác	<u>177,142,658,071</u>	<u>48,395,627,113</u>
<b>Cộng</b>	<b>220,474,711,515</b>	<b>115,510,090,376</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Lũy kế từ đầu năm		Số phải thu cuối kỳ	Số còn phải nộp cuối
			Số phải nộp	Số đã nộp		
<b>I. Thuế</b>						
1. Thuế GTGT hàng nội địa		589,874,628	5,277,903,899	4,860,893,448		1,006,88:
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-				
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt		-				
4. Thuế xuất nhập khẩu		-				
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp		2,593,241,523	4,601,822,808	4,084,821,533		3,110,24:
6. Thuế tài nguyên		-				
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	54,610,800	2,988,911,301	3,415,969,005	5,176,305,203		1,228,57:
8. Các loại thuế khác	63,202,013	9,035,792,560	26,981,527,774	28,138,914,052	128,676,819	7,878,40:
- Thuế thu nhập cá nhân	63,202,013	394,531,107	1,929,405,236	2,096,856,160	128,676,819	227,08:
- Thuế môn bài		-	17,000,000	17,000,000		
- Thuế khác		8,641,261,453	25,035,122,538	26,025,057,892		7,651,32:
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>		-				
1. Các khoản phụ thu		-				
2. Các khoản phí, lệ phí		-				
3. Các khoản khác		-				
<b>Tổng cộng</b>	<b>117,812,813</b>	<b>15,207,820,012</b>	<b>40,277,223,486</b>	<b>42,260,934,236</b>	<b>128,676,819</b>	<b>13,224,10:</b>

**13. Chi phí phải trả****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2,442,874,776	2,194,705,357
Chi trả trước tiền thuê kho		
Chi phí khác	2,423,185,884	123,750,000
<b>Cộng</b>	<b>4,866,060,660</b>	<b>2,318,455,357</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**14. Phải trả khác****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1,023,091,726	1,235,787,107
Cổ tức phải trả		479,503,335
Nhận ký quỹ ngắn hạn	12,357,065,350	14,495,665,350
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ các hãng tàu	97,336,316,453	104,114,200,926
Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	10,560,074,714	14,000,112,743
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440
Phải trả khác	<u>9,211,487,663</u>	<u>1,571,443,898</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>134,225,423,346</b></u>	<u><b>139,634,100,799</b></u>

**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ dài hạn	<u>887,326,084</u>	<u>887,326,084</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>887,326,084</b></u>	<u><b>887,326,084</b></u>

**15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu cho thuê kho	7,945,281,816	737,954,546
- Doanh thu đại lý vận tải	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>7,945,281,816</b></u>	<u><b>737,954,546</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>140,964,860,000</b>	<b>124,241,027,257</b>	<b>14,815,755,392</b>	<b>89,502,847,474</b>	<b>369,150,335,023</b>
Lợi nhuận trong năm				27,121,464,887	27,121,464,887
Trích lập Quỹ thưởng người quản lý				(226,800,000)	(226,800,000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi				(3,846,715,994)	(3,846,715,994)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển		11,540,147,981		(11,540,147,981)	
Kết chuyển tăng quỹ KTPL			(3,165,755,395)		(3,165,755,395)
Kết chuyển tăng quỹ ĐTPT		11,650,000,000	(11,650,000,000)		
<b>Số dư tại ngày 30/06/2022</b>	<b>140,964,860,000</b>	<b>147,431,175,238</b>	<b>0</b>	<b>101,010,648,386</b>	<b>389,406,683,624</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>140,964,860,000</b>	<b>147,431,175,238</b>	<b>0</b>	<b>80,754,300,351</b>	<b>369,150,335,629</b>
Lợi nhuận trong năm				18,660,060,337	18,660,060,337
Trích lập Quỹ thưởng người quản lý					
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi					
Chênh lệch tỷ giá hối đoái					73,585,000
Kết chuyển tăng quỹ KTPL					
Kết chuyển tăng quỹ ĐTPT		9,792,082,097	(9,792,082,097)		9,792,082,097
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>140,964,860,000</b>	<b>157,223,257,335</b>	<b>0</b>	<b>99,414,360,688</b>	<b>397,676,063,623</b>

**c) Cơ cấu cổ đông**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
- TCT Hàng hải Việt Nam-CTCP	7.196.838	51.05%	7.196.838	51.05%
- Cổ đông khác	6.899.648	48.95%	6.899.648	48.95%
<b>Cộng</b>	<b>14.096.486</b>	<b>100%</b>	<b>14.096.486</b>	<b>100%</b>

**17. Chỉ tiêu ngoại bảng**

Ngoại tệ các loại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	2,800,174.83	4,828,822.50
- RUB	5,00,000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu đại lý tàu	35,978,180,005	41,845,229,140
Doanh thu đại lý vận tải	280,595,290,090	622,730,110,179
Doanh thu kinh doanh kho bãi	49,907,628,834	53,796,440,262
Doanh thu kiểm kiện	9,750,270,805	11,680,448,175
Doanh thu đại lý liner	25,445,738,996	30,164,090,907
Doanh thu bán hàng		13,764,182,320
Doanh thu dịch vụ khác	128,673,960,422	24,920,754,415
<b>Cộng</b>	<b>530,351,069,152</b>	<b>798,901,255,398</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn đại lý tàu	24,708,222,107	28,222,974,307
Giá vốn đại lý vận tải	264,739,581,954	606,537,059,106
Giá vốn kinh doanh kho bãi	46,127,560,473	50,411,782,248
Giá vốn kiểm kiện	6,039,642,495	7,057,928,935
Giá vốn đại lý liner	13,825,738,792	16,852,682,387
Giá vốn hàng bán		13,764,182,320
Giá vốn dịch vụ khác	127,734,669,281	20,449,151,555
	<b>483,175,415,102</b>	<b>743,295,760,858</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi ngân hàng	3,958,964,321	3,439,073,355
Cổ tức, lợi nhuận được chia	284,194,914	1,411,661,865
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3,524,690,009	4,135,409,198
Doanh thu hoạt động tài chính khác		75,483,303
<b>Cộng</b>	<b>7,767,849,244</b>	<b>9,061,627,721</b>

**4. Chi phí tài chính**

Lỗ chênh lệch tỷ giá	861,342,900	456,980,739
Chi phí tài chính khác	2,294,334	15,324,868
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		403,048,150
<b>Cộng</b>	<b>863,637,234</b>	<b>875,353,757</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	15,178,505,569	18,764,274,070
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	1,775,474,579	1,498,912,653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,409,224,029	1,057,026,859
Thuế, phí và lệ phí	546,208,545	787,310,269
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,526,818,860	5,707,747,155
Chi phí khác bằng tiền	6,111,547,590	2,875,827,952
<b>Cộng</b>	<b>30,547,779,172</b>	<b>30,691,098,958</b>

### 6. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	145,454,545	109,090,909
Thu nhập khác	13,691,678	185,307,518
<b>Cộng</b>	<b>159,146,223</b>	<b>294,398,427</b>

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Các khoản chi phí khác	429,349,967	41,286,723
<b>Cộng</b>	<b>429,349,967</b>	<b>41,286,723</b>

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,460,961,032	5,022,763,391
Chi phí nhân công	46,297,217,468	58,973,168,499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,363,387,501	5,258,522,212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241,196,560,651	643,887,838,578
Chi phí khác	217,405,067,222	10,531,755,058
<b>Cộng</b>	<b>513,723,194,274</b>	<b>723,674,047,738</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6 tháng đầu năm 2023</b>	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23,261,883,144	33,353,781,25
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,305,827,059	426,778,574
- Các khoản điều chỉnh giảm	1,558,596,168	(2,618,978,009)
Thu nhập tính thuế	23,009,114,035	31,161,581,815
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<b>4,601,822,807</b>	<b>6,232,316,363</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	-	716,469,335
Công ty Cổ phần VIMC Nha Trang	-	125,410,683
Công ty Vận tải Biển Vimc	-	591,058,652
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	2,635,307,908	277,462,224
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	105,616,624	86,158,584
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân		89,027,640
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	-	102,276,000
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2,529,691,284	
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	1,559,349,547	649,954,507
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	901,769,881	649,954,507
Công Ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng	189,246,983	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho Quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**- Thu nhập của thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị**

	Quý II Năm 2023	Quý II Năm 2022
	VND	VND
	<b>3,041,596,146</b>	<b>2,043,019,819</b>
Ông Đỗ Tiến Đức	182,368,750	107,162,699
Ông Vũ Phước Long	612,721,682	395,896,220
Ông Trần Tuấn Hải	140,912,500	73,821,049
Ông Nguyễn Đình Tú	451,603,060	330,425,894
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	464,908,029	355,882,973
Bà Nguyễn Bích Thảo	413,207,124	319,645,761
Ông Trần Hồng Quang	140,912,500	82,321,799
Ông Nguyễn Đức Thiện	140,912,500	64,810,975
Ông Nguyễn Thế Tiếp	140,912,500	82,321,799
Ông Ngô Thanh Tùng		17,510,825
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà		8,500,750
Ông Trịnh Vũ Khoa		72,074,998
Ông Hoàng Việt	130,112,500	46,321,439
Ông Nguyễn Hồng Hải	111,512,500	41,801,199
Bà Trần Thị Hạnh	111,512,500	44,521,439

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Phó Trưởng Phòng phụ trách TCKT

Phó Tổng Giám Đốc Phụ Trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Vũ Phước Long